Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8907.10.00

Mã HS	8907.10.00
Mô tả hàng hóa	Kết cấu nổi khác (ví dụ, bè mảng, thùng chứa chất lỏng, ketxon giếng kín (coffer-dams), cầu lên bờ, các loại phao nổi và mốc hiệu) / - Bè mảng có thể bơm hơi
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:47:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/89071000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17876
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17876
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17876
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17202
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17131
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17131
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17131
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17131
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17131
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17131
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17187
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17187
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17187
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17187
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17187
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17188
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17188
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17188
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17188
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17188
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17188
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17193
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17149
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17145
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17145
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17145
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17145
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17145
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17145
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17191
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17191
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17191
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17191
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17191
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17191
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17253
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17253

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17253
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17253
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17253
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17253
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17229
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17229
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17229
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17229
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17229
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17229
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17224
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17224
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17224
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17224
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17224
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17224
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D17254
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E17254
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F17254
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17254
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17254
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17254
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D17253
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E17253
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F17253
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17253

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17253
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17253
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17347
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17347
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17347
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17347
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17347
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17347
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17347
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17216
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17216
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17216
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17216
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17216
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17216
RCEP B	2022	2022	0	B!D17216
RCEP B	2023	2023	0	B!E17216
RCEP B	2024	2024	0	B!F17216
RCEP B	2025	2025	0	B!G17216
RCEP B	2026	2026	0	B!H17216
RCEP B	2027	2027	0	B!I17216
RCEP C	2022	2022	0	C!D17214
RCEP C	2023	2023	0	C!E17214
RCEP C	2024	2024	0	C!F17214
RCEP C	2025	2025	0	C!G17214
RCEP C	2026	2026	0	C!H17214

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17214
RCEP D	2022	2022	0	D!D17213
RCEP D	2023	2023	0	D!E17213
RCEP D	2024	2024	0	D!F17213
RCEP D	2025	2025	0	D!G17213
RCEP D	2026	2026	0	D!H17213
RCEP D	2027	2027	0	D!I17213
RCEP E	2022	2022	0	E!D17217
RCEP E	2023	2023	0	E!E17217
RCEP E	2024	2024	0	E!F17217
RCEP E	2025	2025	0	E!G17217
RCEP E	2026	2026	0	E!H17217
RCEP E	2027	2027	0	E!I17217
RCEP F	2022	2022	0	F!D17216
RCEP F	2023	2023	0	F!E17216
RCEP F	2024	2024	0	F!F17216
RCEP F	2025	2025	0	F!G17216
RCEP F	2026	2026	0	F!H17216
RCEP F	2027	2027	0	F!I17216
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16146
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16146
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16146
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16146

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8907.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8907.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17876), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.